

Vận dụng quy trình nghiên cứu thuế trong việc hoạch định thuế

LÊ QUANG CƯỜNG

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Nhận bài: 10/04/2015 - Duyệt đăng: 31/08/2015

Các tổ chức, cá nhân luôn cần một giải pháp tối ưu để kiểm soát chi phí thuế và tiết kiệm thuế nhằm tối đa hóa giá trị dòng tiền đạt được chứ không đơn thuần chỉ tập trung vào việc tối thiểu hóa số thuế phải nộp. Tuy nhiên, tính phức tạp của luật thuế khiến cho họ dễ bị mất phương hướng giữa việc hoạch định thuế và việc trốn thuế dẫn đến việc tiền thuế phải nộp hay giá trị dòng tiền đạt được không như mong muốn. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm vào việc nghiên cứu quy trình nghiên cứu thuế và cách vận dụng quy trình nghiên cứu thuế vào việc hoạch định thuế. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính dựa trên cơ sở phỏng vấn chuyên sâu, đồng thời truy cập cơ sở dữ liệu các văn bản pháp luật là phương pháp thu thập dữ liệu của bài viết. Nghiên cứu này bắc nhịp cầu nối giữ việc nghiên cứu theo mô hình lý thuyết và việc nghiên cứu thuế cho việc hoạch định thuế.

Từ khóa: Nghiên cứu thuế, hoạch định thuế, nhà nghiên cứu.

1. Giới thiệu

Trường hợp hoạch định thuế (HĐT) dựa trên cơ sở các sự kiện đóng đã được thực hiện trong quá khứ thì các nhà nghiên cứu (NNC) sẽ bị khống chế trong khuôn khổ chỉ có thể cung cấp dịch vụ tuân thủ thuế cho khách hàng do số tiền thuế đã hình thành và không thể thay đổi. Ngược lại, HĐT dựa trên cơ sở các sự kiện mở sẽ được thực hiện trong tương lai thì các NNC được thuê để nghiên cứu các giao dịch trong tương lai của các thực thể kinh doanh. Trong trường hợp này, các NNC không chỉ có thể xác định số tiền thuế phải nộp trong tương lai mà còn có thể gợi ý các phương pháp để mang lại một kết

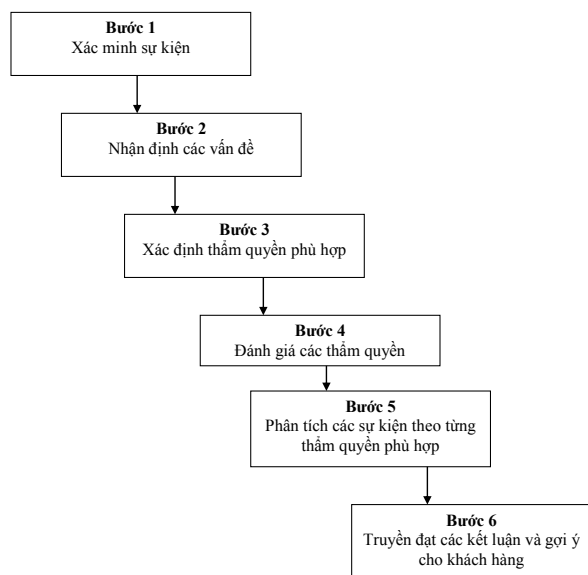
quả có lợi hơn nhằm tối ưu hóa số thuế phải nộp và đồng thời tối đa hóa giá trị dòng tiền của một thực thể kinh doanh. HĐT theo các sự kiện mở chính là việc HĐT có thể mang lại giá trị đáng kể cho các khách hàng muốn tối đa giá trị sau thuế của các giao dịch. Việc HĐT theo hướng này cần có một phương pháp nhằm kết hợp hài hòa giữa quy trình nghiên cứu thuế (NCT) và việc HĐT. Phương pháp này đòi hỏi sự chia sẻ giữa mô hình nghiên cứu lý thuyết tài chính và nghiên cứu luật thuế căn cứ theo các sự kiện mở chứ không đi theo định hướng tuân thủ luật thuế. Việc vận dụng từng bước của quy trình NCT vào việc HĐT giúp cho NNC và các thực thể kinh doanh đánh

giá chính xác các nhân tố liên quan trong việc hoạch định thuế hiệu quả. Nghiên cứu sẽ tập trung vào nội dung làm nổi bật và vận dụng từng bước của quy trình NCT vào tình huống hoạch định thuế cụ thể dựa trên cơ sở phân tích tài liệu, phỏng vấn chuyên sâu và quan sát tại thực thể kinh doanh.

2. Cơ sở lý thuyết

NCT được định nghĩa là một quy trình giải quyết các vướng mắc liên quan đến thuế bằng cách áp dụng luật thuế cho từng phần riêng biệt của các sự kiện. Nói cách khác, NCT được định nghĩa là một quy trình của việc xác định các kết quả về thuế có khả năng xảy ra nhất của một tiến trình hành động

Hình 1: Quy trình NCT số 1



Nguồn: Barbara H. Karlin, 2004

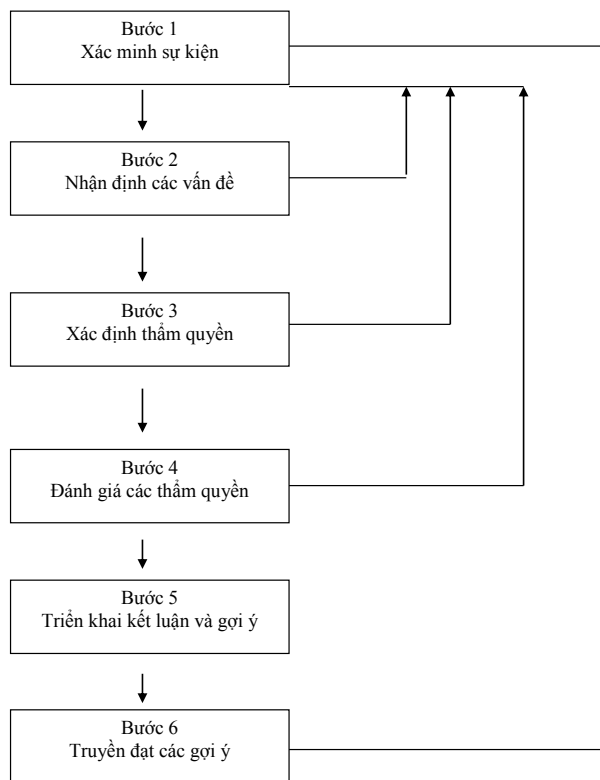
được đảm nhận bởi một cá nhân hoặc một tổ chức. Nhiều nhà khoa học đã xây dựng quy trình NCT bằng phương pháp nghiên cứu khoa học định tính. Barbara H. Karlin vào năm 2004 đã xuất bản tác phẩm NCT. Tác phẩm này đã thể hiện quy trình nghiên cứu thuế bao gồm 06 bước: Xác minh sự kiện – Nhận định các vấn đề – Xác định thẩm quyền phù hợp – Đánh giá các thẩm quyền – Phân tích các sự kiện theo từng thẩm quyền phù hợp – Truyền đạt các kết luận và gợi ý cho khách hàng. Quy trình NCT của Barbara H. Karlin được thể hiện theo Hình 1.

Trong quy trình NCT này, Barbara H. Karlin đặc biệt tập trung vào bước 5 nhằm phân tích tất cả các sự kiện phát sinh sau khi thực hiện các bước 1, 2, 3 và theo từng thẩm quyền phù hợp. Kể đến William A. Raabe từ năm 2005 đã phát hành tác phẩm NCT Liên bang và không ngừng tái bản tác phẩm này đến năm 2015. NCT Liên bang đã thể hiện quy trình NCT được thực hiện qua 06 bước. Được thể hiện theo Hình 2.

Như vậy William A. Raabe đã chia quy trình NCT thành 06 bước: Xác minh sự kiện - Nhận định các vấn đề

- Xác định thẩm quyền - Đánh giá các thẩm quyền
- Triển khai kết luận và gợi ý – Truyền đạt các gợi ý. Xác minh sự kiện được thực hiện đầu tiên. Tuy nhiên, khi thực hiện các bước 2, 3, 4 có thể phát sinh thêm các sự kiện bổ sung mà NNC đã bỏ sót khi thực hiện bước 1. Điều này sẽ khiến cho NNC phải quay trở lại để bổ sung các sự kiện cần thiết trong bước 1 của quy

Hình 2: Quy trình NCT số 2

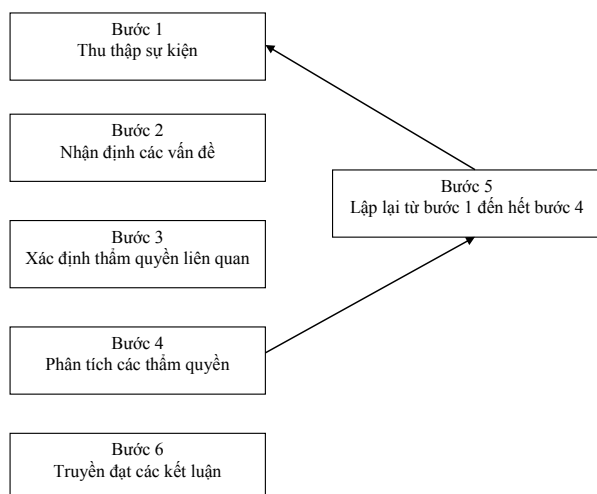


Nguồn: William A. Raabe, 2005

trình NCT. Quy trình NCT này cũng có sự tương đồng với nội dung được thực hiện trong bước 5 của quy trình NCT của Barbara H. Karlin. Điều cần nhận xét là các quy trình NCT này chỉ tập trung vào mô hình NCT chứ các tác giả này hoàn toàn chưa đề cập đến phương pháp vận dụng quy trình NCT này vào việc HĐT.

Bản chất của việc hoạch định thuế là quá trình tìm kiếm các gợi ý về thuế khác nhau để xác định khi nào, như thế nào và liệu có nên thực hiện một số giao dịch để đạt được thuế tối ưu nhất. Hay nói cách khác, hoạch định thuế là việc chúng ta sắp xếp những chuyện liên quan đến thuế của chúng ta để mang lại cho chúng ta những lợi thế nhất về thuế. Việc hoạch định thuế phù hợp với luật pháp khi thực hiện việc này trong phạm vi ngôn từ và ý nghĩa của luật pháp (Sally M. Jones, 1989). Giáo sư danh dự tiến sĩ Sally M. Jones đã đưa ra vấn đề HĐT vào năm 1989. Tuy nhiên, việc HĐT lúc này chỉ được thực hiện độc lập chưa có sự kết hợp với quy trình NCT. Trong năm 2011, bà cùng với PGS. Shelley Rhoades – Catanach đã đưa quy trình NCT gồm có 6 bước: Thu thập sự kiện; Nhận định các vấn đề; Xác định thẩm quyền; Phân tích thẩm quyền; Lập lại từ bước 1 đến bước 5; Truyền đạt các kết luận. Quy trình NCT thuế này cũng có nhiều điểm tương đồng với

Hình 3: Quy trình NCT 3



Nguồn: Sally M. Jones, Sally M. Jones, 2011

quy trình NCT của các tác giả trước đây. Tuy nhiên, 02 tác giả này đã đưa ra được phương pháp vận dụng quy trình NCT vào việc HĐT. Việc vận dụng quy trình NCT trong HĐT là một phương pháp mới trong việc HĐT. Chính vì vậy bài viết đã lựa chọn khung lý thuyết về NCT của tác giả Sally M. Jones và Shelley Rhoades – Catanach theo phương pháp nghiên cứu khoa học định tính làm khung lý thuyết cho bài viết này.

Bước 1: Thu thập sự kiện

Trước khi phân tích kết quả thuế của một giao dịch, NNC cần phải hiểu sâu về bản thân giao dịch đó. Họ cần phải thảo luận với khách hàng một cách chi tiết về giao dịch được đề nghị nghiên cứu để xác định một cách chính xác động cơ của khách hàng. NNC cần đưa ra các câu hỏi cụ thể như: mục tiêu kinh tế của khách hàng là gì? Khách hàng đã hiểu gì về các kết quả mà khách hàng đang mong muốn? Khách hàng đã nhận biết các rủi ro nào sẽ liên quan đến kết quả mà họ muốn? Bằng cách đặt những câu hỏi loại này, chính bản thân NNC sẽ làm quen với các đặc điểm không chịu thuế của giao dịch trước khi cân nhắc bất cứ các gợi ý thuế nào. Họ cần phải khai thác tất cả các sự kiện liên quan đến giao dịch của khách hàng theo một tóm tắt ban đầu bằng các câu hỏi đại loại như “Ai, khi nào, ở đâu, tại sao, và như thế nào”. Tuy nhiên, NNC cũng không nên cho rằng tóm tắt ban đầu này là thật sự chính xác, hoàn chỉnh và khách quan. Điều này xuất phát từ 02 lý do. Thứ nhất, tính chất chủ quan của các thực thể kinh doanh khi trả lời các câu hỏi cho NNC sẽ làm giảm đi tính chính xác,

hoàn chỉnh và khách quan của câu trả lời. Có thể khách hàng đã không xác định tất cả các sự kiện mà nhà nghiên cứu cần hoặc khách hàng đã không chú ý đến ý nghĩa của các sự kiện đáng tin cậy và đã bỏ qua chúng. Thứ hai, trình độ và nhận thức của thực thể kinh doanh đối với các quy định của pháp luật cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thu được của NNC. Nếu khách hàng có một số kiến thức về luật thuế thì nhà nghiên cứu có thể đặt các câu hỏi và án chứng những kiến thức về luật thuế. Trái lại, nếu khách hàng là người không có kinh nghiệm trong các vấn đề về thuế thì nhà nghiên cứu chỉ nên hỏi những câu hỏi mà khách hàng có thể trả lời và không liên quan đến luật thuế. Do đó, việc lựa chọn đối tượng phù hợp cho việc thu thập sự kiện cũng là vấn đề mà NNC cần phải tập trung.

Bước 2: Nhận định các vấn đề

NNC phải nhận định vấn đề tổng quan hoặc các vấn đề về thuế của giao dịch được yêu cầu NCT. Khả năng nhận định các vấn đề là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức chuyên môn được đào tạo qua trường lớp và kinh nghiệm nghề nghiệp qua quá trình làm việc thực tế. Việc đưa ra các định nghĩa về các vấn đề của giao dịch sẽ giúp NNC trình bày có hệ thống của các câu hỏi NCT. NNC cần phải hết sức sâu sắc trong việc trình bày có hệ thống các câu hỏi. NNC thuế nên trình bày có hệ thống các câu hỏi theo hướng càng rõ ràng càng tốt. Câu hỏi rõ ràng được công bố tỉ mỉ và cung cấp các hệ số rõ ràng để duy trì tính lô gíc giữa các bước trong quy trình nghiên cứu. Trái lại, câu hỏi không rõ ràng hoặc mơ hồ hoặc vượt quá mức trong phạm vi thu thập sự kiện sẽ cung cấp các hệ số không đầy đủ và gây lãng phí thời gian và nỗ lực của NNC. Trong hệ thống thuế phức tạp của chúng ta hiện nay, việc trả lời một câu hỏi thường lệ thuộc vào việc trả lời cho một hoặc nhiều hơn các câu hỏi cơ bản. Những NNC hiểu về thứ bậc của các câu hỏi, họ có thể gửi đi từng câu hỏi theo trình tự đúng đắn và quản lý việc NCT của họ với hiệu quả tối đa.

Bước 3: Xác định thẩm quyền liên quan

Ở bước 3 trong quy trình nghiên cứu thuế thì nhà nghiên cứu hướng đến thư viện thuế. NNC có trách nhiệm cần phải xác định được các thẩm quyền sẽ cung cấp các câu trả lời cho các câu hỏi được đặt ra. Để thực hiện điều này nhà nghiên cứu sẽ tập trung khai thác các nguồn thông tin từ hệ thống các thư viện, đặc biệt là hệ thống thư viện điện tử. Tốc độ

truy cứu qua các thư việc điện tử giúp họ tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức tra cứu. Bên cạnh đó, họ có thể truy cập vào các cơ quan thẩm quyền và liên kết giữ các thẩm quyền. Một lợi ích thứ hai là việc lấy những dữ liệu điện tử mà với chúng có thể được cập nhật để áp dụng vào công việc NCT đang tiến hành. Một lợi ích thứ ba đó là một thư viện điện tử xách tay. Một NNC với một máy tính xách tay có thể thâm nhập thư viện vào bất cứ lúc nào và từ bất cứ vị trí nào. Bất chấp liệu việc NNC thuê đang làm việc trong một thư viện truyền thống hay một thư viện điện tử thì họ phải hiểu về nội dung và kết cấu của các tài liệu tham khảo trong thư viện đó. NNC phải biết xác định tài liệu tham khảo liên quan đến vấn đề đang có như thế nào. Nhà nghiên cứu phải phân biệt giữa hai khái niệm chính của các tài liệu tham khảo: Các thẩm quyền sơ cấp và các thẩm quyền thứ cấp. Thẩm quyền sơ cấp được yêu cầu hỗ trợ đầy đủ các kết luận về thuế và các khuyến cáo, chúng được viết chi tiết theo ngôn từ của luật và theo ngôn ngữ chuyên môn nên thường khó hiểu và khó làm sáng tỏ. Trong khi đó, thẩm quyền thứ cấp là các giáo trình, các quy ước, các tập san chuyên nghiệp và các dịch vụ thuế thương mại, chúng nỗ lực để giải thích và làm sáng tỏ luật thuế.

Bước 4: Phân tích thẩm quyền

Khi một NNC đã có được các tài liệu cần thiết trên giấy hoặc trên màn hình của máy tính xách tay thì họ phải có khả năng làm sáng tỏ và đánh giá các thẩm quyền này. Trong một số trường hợp, cơ quan thẩm quyền sẽ đưa ra câu trả lời mập mờ. Một số trường hợp khác, cơ quan thẩm quyền lại có câu trả

lời nước đôi. Hoặc có trường hợp các cơ quan thẩm quyền khác nhau sẽ cung cấp câu trả lời mâu thuẫn lẫn nhau. Trong các trường hợp này, nhà nghiên cứu phải đưa phán quyết của họ để hướng đến việc phân tích thẩm quyền và trả lời câu hỏi. NNC nên quyết định khi thẩm quyền đòi hỏi họ thực hiện một phán quyết theo sự kiện hoặc một phán quyết theo suy luận. Khi thực hiện một phán quyết căn cứ theo sự kiện thì NNC sẽ so sánh thẩm quyền với một sự kiện đã có sẵn. Giả định rằng sự kiện là hoàn chỉnh và chính xác thì nhà nghiên cứu có thể cung cấp câu trả lời cuối cùng cho câu trả lời nghiên cứu.

Ngoài ra, NNC cũng được yêu cầu thực hiện các phán quyết suy luận khi thẩm quyền có liên quan đến một kết luận được suy luận ra từ một nhóm các sự kiện khác chứ không phải là chính sự kiện này. Theo định nghĩa, các kết luận này thường mang tính chủ quan; mỗi người quan sát khác nhau sẽ rút ra một kết luận khác nhau từ một sự kiện giống nhau. Một NNC phải rút ra kết luận để hoàn tất một dự án NCT, có thể họ không bao giờ chắc chắn rằng kết luận như vậy sẽ không bị cơ quan thuế bác bỏ. Do vậy, NNC sẽ không bao giờ đưa ra câu trả lời tuyệt đối cho một câu hỏi yêu cầu phán quyết suy luận.

Bước 5: Lập lại từ bước 1 đến hết bước 4

Khi thực hiện xong từ bước 1 đến bước 4, sẽ có nhiều trường hợp NNC có thể phát hiện rằng họ chưa chắc chắn với tất cả các sự kiện cần thiết để hoàn tất việc phân tích giao dịch của khách hàng. Trong trường hợp như vậy, NNC phải lập lại bước 1 bằng cách thu thập thêm các thông tin bổ sung và các câu hỏi mà họ phải sử dụng. NNC

sẽ phải lặp lại từ bước 1 đến bước 4 nhiều lần trước khi hài lòng với việc phân tích.

Bước 6: Truyền đạt các kết luận:

Bước cuối cùng này NNC cần phải xác định được câu trả lời chính xác, hữu ích và hoàn chỉnh cho các câu hỏi nghiên cứu liên quan đến tình huống của khách hàng yêu cầu. Việc này chỉ được kết thúc cho đến khi họ đưa ra được các tài liệu chứng minh công việc của họ bằng cách lập một bảng tổng kết. Bảng tổng kết này thường xuyên thực hiện dưới hình thức bảng ghi nhớ bao gồm: (1) Báo cáo của các sự kiện thích hợp; (2) Phân tích các thẩm quyền; (3) Giải thích của các kết luận; và (4) Bất cứ lời khuyên chi tiết nào được đưa ra cho khách hàng như một phần của việc cam kết của NNC.

Bài viết này dựa trên mô hình nghiên cứu định tính và các phương pháp tiếp cận nghiên cứu tình huống sẽ được sử dụng. Dữ liệu thu thập từ các tài liệu chính thức và các cuộc phỏng vấn chuyên sâu trực tiếp với doanh nghiệp liên quan đến việc HDT.

3. Vận dụng quy trình nghiên cứu thuế trong việc hoạch định thuế

Bước 1: Thu thập sự kiện

Tình huống là công ty TNHH một thành viên Lê Anh đã thuê chuyên gia xác định các kết quả về thuế của giao dịch: “Công ty Lê Anh sẽ vay nợ của ông Lê Nam và bà Lê Anh sẽ tặng cho ông Lê Nam 01 căn nhà. Công ty Lê Anh cung cấp các sự kiện dưới đây trong bản tóm tắt ban đầu của giao dịch”.

Công ty Lê Anh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 15/01/2011, vốn điều lệ bằng tiền mặt 10 tỷ đồng. Ngày

15/01/2011 thành viên đã góp vốn điều lệ 2 tỷ đồng. Bà Lê Anh là chủ công ty và giữ chức danh giám đốc.

Công ty Lê Anh dự tính sẽ mua 10 căn hộ 20 tỷ đồng của công ty Hoàng Nguyên vào ngày 23/02/2012 và sẽ ký hợp đồng công chứng vay nợ của ông Lê Nam 20 tỷ đồng vào ngày 23/02/2012 để thanh toán tiền mua 10 căn hộ này, thời hạn vay nợ 01 năm, lãi suất 10%/năm.

Bà Lê Anh dự tính sẽ tặng ông Lê Nam 01 căn nhà trị giá 20 tỷ đồng vào ngày 23/02/2012. Căn nhà này đã có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do bà Lê Anh đứng tên.

Bà Lê Anh và ông Lê Nam là hai chị em ruột.

Dựa trên cơ sở của bản tóm tắt ban đầu này, nhà HĐT trước tiên có thể xác nhận kết quả thuế của các giao dịch trên lệ thuộc vào ba vấn đề: “góp đủ vốn điều lệ”, “lãi đi vay vượt mức”, “các bên có mối liên hệ mật thiết”. Bạn cũng biết rằng kết quả thuế của việc tặng một căn nhà thuộc quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của công ty hay của một cá nhân là hoàn toàn không giống nhau. Do bà Lê Anh không có kiến thức về thuế, nhà HĐT không thể hỏi bà các câu hỏi mang tính chuyên môn về thuế. Nhà HĐT quyết định đặt các câu hỏi sau.

Từ 15/01/2011 đến nay công ty Lê Anh có góp vốn điều lệ thêm hay không? Số tiền là bao nhiêu nếu có?

Ngoài ông Lê Nam thì từ 15/01/2011 đến 23/02/2012 công ty Lê Anh có vay nợ của bất cứ chủ nợ nào khác không? Số tiền là bao nhiêu nếu có?

Ông Lê Nam đã cho công ty Lê

Anh vay lần nào chưa? Số tiền là bao nhiêu?

Bà Lê Anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà & quyền sử dụng đất của căn nhà vào ngày nào?

Bà Lê Anh độc thân hay đã có gia đình trước và sau khi mua căn nhà này?

Căn nhà được tặng có đính kèm theo văn bản cản trừ nợ nào với ông Lê Nam hay không?

Bà Lê Anh đã hồi đáp các câu hỏi trên như sau:

Cung cấp các giấy tờ bản sao và bản chính để đối chiếu bao gồm: Điều lệ Công Ty; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà & quyền sử dụng đất.

Từ 15/01/2011 đến nay công ty Lê Anh chỉ mới góp vốn điều lệ một lần duy nhất 2 tỷ đồng.

Từ 15/01/2011 đến nay công ty Lê Anh có vay nợ của ngân hàng Eximbank số tiền 2 tỷ đồng vào ngày 05/04/2011.

Ông Lê Nam cho công ty Lê Anh vay lần đầu tiên.

Căn nhà của bà Lê Anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà & quyền sử dụng đất ngày 02/05/2009.

Trước ngày 02/05/2009 bà Lê Anh độc thân. Ngày 20/10/2010 bà kết hôn với ông Hồ Tĩnh.

Căn nhà được tặng không đính kèm một văn bản cản trừ nợ nào với ông Lê Nam.

Bước 2: Nhận định các vấn đề

Nhà HĐT kết luận rằng giao dịch của công ty Lê Anh liên quan đến các vấn đề về thuế cơ bản như: việc vay nợ phát sinh chi phí trả lãi vay và công ty Lê Anh sẽ được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế hay không? việc bà Lê Anh tặng

căn nhà cho người em ruột có được miễn thuế thu nhập cá nhân hay không? Vấn đề này gợi ý các câu hỏi nghiên cứu mà bạn quyết định gửi đi theo trật tự sau đây:

Công ty Lê Anh đã trả nợ vay cho ngân hàng Eximbank hay chưa? Khi nào?

Căn nhà này bà Lê Anh có gộp vào tài sản chung với chồng bà không?

Bà Lê Anh có giấy tờ nào để chứng minh mối quan hệ chị em ruột với ông Lê Nam không?

Bước 3: Xác định thẩm quyền

Nhà HĐT phải truy cập các thẩm quyền sơ cấp qua các dịch vụ cung cấp văn bản pháp luật toàn phần trên Internet. Họ nhận thấy qua các câu hỏi ở bước 2, chúng ta có thể tìm kiếm thẩm quyền sơ cấp liên quan đến “lãi tiền vay” trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; “tài sản chung, riêng” trong Luật hôn nhân gia đình; “biếu tặng căn nhà” trong Luật Thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, nhà HĐT cũng có thể truy cập các văn bản pháp quy thấp hơn như nghị định, thông tư và cả các văn bản hướng dẫn liên quan khác làm cơ sở để xác định và tìm kiếm các thẩm quyền sơ cấp nói trên.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008, Chương II, Điều 09 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013. Khi kiểm tra Điều 9, bạn đã xác nhận rằng các mục 2 “Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế”, bao gồm:

e) *Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước VN công bố tại thời điểm vay;*

k) *Phần chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu.*

Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Mục II, Điều 63 “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên” liên quan đến vốn góp, bao gồm:

1. *Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.*

Luật Hôn nhân và gia đình số 22/2000/QH10 ngày 09/06/2000 Chương II, Điều 32 “Tài sản riêng của vợ, chồng”, bao gồm:

1. *Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng.*

Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; đồ dùng, tư trang cá nhân.

2. *Vợ, chồng có quyền nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung.*

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 Chương 1, Điều 4 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 về vấn đề “Thu nhập được miễn thuế” như sau:

4. *Thu nhập từ chuyển nhượng*

bất động sản giữa: vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; bố vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau.

Bước 4: Phân tích thẩm quyền

Sau khi xác định các thẩm quyền liên quan, cụ thể đều là các thẩm quyền sơ cấp chứ không phải các thẩm quyền thứ cấp. Nhà HDT cần phân tích các thẩm quyền đang có.

Trước tiên, nhà HDT phải chắc chắn đây là mối quan hệ vay mượn của cá nhân nên lãi vay được trừ khi tính thu nhập chịu thuế sẽ bị không chế không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố. Tuy nhiên, nhà HDT chưa chắc chắn rằng công ty Lê Anh sẽ có chứng từ hợp pháp chứng minh khoản trả lãi vay cho ông Lê Nam.

Công ty Lê Anh chưa góp đủ vốn điều lệ (chỉ mới góp 2 tỷ đồng so với vốn điều lệ 10 tỷ đồng) nên một phần số tiền vay trong số 20 tỷ đồng tiền vay sẽ được xem là khoản vay để góp vốn điều lệ và mục đích vay tiền là để mua căn hộ chứ không phải góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Vì vậy, khoản tiền lãi vay tương ứng phần vốn điều lệ chưa góp đủ này sẽ không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhà HDT chưa chắc chắn được rằng số tiền vay để góp đủ vốn điều lệ này sẽ là 8 tỷ đồng hay ít hơn vì công ty Lê Anh có vay của ngân hàng Eximbank 2 tỷ đồng và không biết công ty Lê Anh đã trả hay chưa?.

Công ty Lê Anh có vốn điều lệ bằng tiền mặt nên căn nhà là tài sản

riêng của bà Lê Anh. Việc tặng căn nhà cho ông Lê Nam là quan hệ biếu tặng bị chi phối bởi Luật thuế Thu nhập cá nhân.

Bà Lê Anh có căn nhà trước khi kết hôn nên đây là tài sản riêng của bà Lê Anh. Tuy nhiên, bạn chưa chắc chắn rằng từ ngày kết hôn cho đến ngày tặng căn nhà bà Lê Anh có gộp vào tài sản chung của hai vợ chồng bà hay không? Nếu có thì việc tặng căn nhà phải có sự đồng ý của chồng bà và ông Hồ Tinh và ông Lê Nam không phải là hai anh em ruột. Do đó, 50% giá trị căn nhà này sẽ không được miễn thuế thu nhập cá nhân. Việc miễn thuế còn phụ thuộc vào việc vào thời điểm tặng căn nhà thì bà Lê Anh và ông Hồ Tinh có là chủ sở hữu căn nhà nào khác nữa hay không.

Bước 5: Lập lại từ bước 1 đến bước 4

Các thẩm quyền sơ cấp đã được xác định và phân tích rõ ràng theo các tình huống giao dịch. Tuy nhiên, nhà HDT sẽ thấy còn một số sự kiện chưa được chắc chắn. Họ phải đặt thêm một số câu hỏi cho bà Lê Anh như sau:

Công ty Lê Anh sẽ có chứng từ chi trả lãi vay cho ông Lê Nam hay không? Công ty Lê Anh sẽ khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân của ông Lê Nam hay không?

Công ty Lê Anh đã trả nợ cho ngân hàng Eximbank hay chưa? Nếu có thì khi nào?

Từ ngày kết hôn cho đến ngày tặng căn nhà cho ông Lê Nam, bà Lê Anh có gộp căn nhà vào tài sản chung của bà và chồng bà hay không?

Từ ngày kết hôn với ông Hồ Tinh cho đến ngày cho căn nhà này bà Lê Anh có ly hôn với ông Hồ Tinh hay không? Nếu có thì có kết hôn với người khác hoặc

tái hôn với ông Hồ Tinh hay không?

Đến ngày cho ông Lê Nam căn nhà này thì bà Lê Anh có còn là chủ sở hữu căn nhà nào khác nữa không?

Bà Lê Anh có giấy tờ chứng minh mối quan hệ chị em ruột với ông Lê Nam hay không?

Họ đã nhận được câu trả lời như sau:

Công ty Lê Anh sẽ có chứng từ trả lãi tiền vay cho ông Lê Nam và sẽ khấu trừ và nộp đầy đủ tiền thuế thu nhập cá nhân trước khi chi trả tiền lãi vay cho ông.

Công ty đã trả tiền vay 2 tỷ của ngân hàng Eximbank ngày 25/05/2011.

Từ ngày kết hôn cho đến ngày tặng căn nhà này cho ông Lê Nam bà Lê Anh vẫn giữ căn nhà làm tài sản riêng.

Bà Lê Anh cho đến ngày tặng căn nhà này chưa ly hôn với ông Hồ Tinh.

Bà Lê Anh chỉ có 01 căn nhà duy nhất cho đến thời điểm tặng căn nhà này cho ông Lê Nam.

Bà Lê Anh và ông Lê Nam có giấy khai sinh bản chính chứng minh là hai chị em ruột.

Với những dữ liệu bổ sung này, bạn có thể hoàn tất việc phân tích của bạn như sau:

Mục e: Như vậy hoạt động vay mượn của ông Lê Nam thì khoản tiền chi trả lãi vay này được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty Lê Anh theo mức không chế.

Mục k: Tiền vay 2 tỷ của ngân hàng Eximbank công ty Lê Anh đã trả cho ngân hàng Eximbank trước thời điểm vay nợ của ông Lê Nam. Điều này cho thấy với mức vốn điều lệ 10 tỷ đồng, công ty Lê Anh chỉ mới góp vốn 2 tỷ đồng nên

phần tiền vay 20 tỷ đồng được xem như: vay 8 tỷ để góp vốn điều lệ và vay 12 tỷ để mua căn hộ. Tiền lãi của 8 tỷ tiền vay này sẽ không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo Mục 1, Chương 2 đã xác định ở bước 3.

Mục 1: Bà Lê Anh đã không góp căn nhà này vào tài sản chung với chồng bà và bà chưa ly hôn với ông Hồ Tinh. Do đó, kết luận căn nhà vẫn là tài sản riêng của bà Lê Anh cho đến ngày tặng cho ông Lê Nam.

Mục 4: Vào thời điểm tặng căn nhà này bà Lê Anh chỉ là chủ sở hữu 01 căn nhà duy nhất này và bà Lê Anh và ông Lê Nam là hai chị em ruột nên việc biểu tặng căn nhà này được miễn thuế thu nhập cá nhân.

Bước 6: Truyền đạt các kết luận

31/12/2014

Bảng ghi nhớ hồ sơ thuế

Từ: Công ty tư vấn thuế

Chủ đề: Công ty TNHH một thành viên Lê Anh

Các kết luận nghiên cứu cam kết

Tổng kết của các sự kiện

Luật và việc phân tích

Công ty TNHH Lê Anh vốn điều lệ 10 tỷ đồng. Công ty Lê Anh vay nợ 20 tỷ đồng của ông Lê Nam em ruột của bà Lê Anh. Bà Lê Anh chủ của công ty Lê Anh tặng căn nhà 20 tỷ đồng cho ông Lê Nam.

Mục g, 1 Điều 9, Chương II – Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Mục e, k Điều 9, Chương II – Luật sửa đổi, bổ sung một số Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 xác nhận khoản tiền trả lãi vay. Mục 1, 2 Điều 63 – Luật

Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 xác định liệu việc góp vốn điều lệ chưa đủ có làm ảnh hưởng đến mục đích sử dụng vốn vay hay không?. Mục 1, 2 Điều 32 – Luật Hôn nhân và gia đình số 22/2000/QH10 ngày 09/06/2000 và Mục 4, Chương 1 - Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH ngày 21/11/2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 xác định căn nhà là tài sản riêng và tặng nhà cho em ruột.

Các kết luận

Do 8 tỷ tiền vay xem là để góp đủ vốn điều lệ của công ty nên tiền lãi của phần tiền vay 8 tỷ này công ty Lê Anh không được tính chi phí được trừ và tiền lãi vay của phần tiền vay 12 tỷ được tính vào chi phí được trừ theo mức lãi suất 10%/năm. Căn nhà 20 tỷ là tài sản riêng của bà Lê Anh. Bà tặng căn nhà này cho ông em ruột Lê Nam nên được miễn thuế thu nhập cá nhân.

Nhà HDT cũng sẽ viết bức thư sau đây cho bà Lê Anh

31/12/2014

Gửi bà Lê Anh.

Trước khi tuyên bố các kết luận của tôi, tôi muốn tổng kết các sự kiện. Công ty TNHH Lê Anh với mức vốn điều lệ bằng tiền mặt 10 tỷ đồng. Do vốn bằng tiền mặt nên căn nhà trị giá 20 tỷ sẽ là tài sản của bà chứ không phải là tài sản của công ty Lê Anh. Công ty Lê Anh chỉ mới góp vốn lần duy nhất một lần là 2 tỷ đồng nên chưa đủ với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng (còn thiếu 8 tỷ đồng). Bên cạnh đó, công ty Lê Anh có vay nợ ngân hàng Eximbank số tiền là 2 tỷ đồng nhưng đã trả toàn bộ tiền vay này trước khi thực hiện vay nợ 20 tỷ đồng của ông Lê Nam. Chính vì vậy số tiền vay sẽ nợ của ông Lê

Nam 20 tỷ đồng sẽ được chia làm hai mục đích vay nợ khác nhau: 8 tỷ đồng tiền vay nợ để góp đủ vốn điều lệ và 12 tỷ đồng là vay nợ để mua căn hộ. Như vậy, tiền lãi vay trả cho 8 tỷ đồng vay để góp phần vốn điều lệ còn thiếu sẽ không được tính vào chi phí được trừ. Trong khi đó, phần tiền lãi vay trả cho 12 tỷ đồng vay để mua căn hộ lại được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty Lê Anh. Do công ty Lê Anh sẽ có chứng từ hợp pháp khi trả lãi vay và đã khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân của ông Lê Nam nên tiền lãi vay 12 tỷ này được tính vào chi phí được trừ. Mức lãi vay là 10%/năm thấp hơn 150% mức lãi suất cơ bản năm 2012 ($150\% \times 9\% = 13,5\%$) nên được tính theo mức lãi suất đi vay 10%/năm cho 12 tỷ đồng tiền vay.

Căn nhà là tài sản riêng của bà có trước khi kết hôn với ông Hồ Tĩnh. Sau khi kết hôn cho đến khi tặng căn nhà này cho ông Lê Nam, bà vẫn giữ căn nhà này làm tài sản riêng của bà. Hơn nữa, vốn điều lệ của công ty Lê Anh là vốn góp bằng tiền mặt nên căn nhà này là tài sản riêng của bà chứ không phải là tài sản của công ty Lê Anh và không phải là tài sản chung của hai vợ chồng bà. Bà hoàn toàn có quyền tặng căn nhà này cho ông Lê Nam mà không cần đến sự đồng ý của công ty Lê Anh hay ông Hồ Tĩnh. Ông Lê Nam là em ruột của bà và bà tặng căn nhà này chỉ riêng cho một mình ông Lê Nam nên bà được miễn thuế thu nhập cá nhân. Việc tặng căn nhà này không kèm theo bất cứ một giấy tờ pháp lý nào chứng minh rằng bà sẽ cần trừ công nợ với ông Lê Nam. Do đó, việc này xem như trường hợp cá nhân bà biếu tặng căn nhà này

chứ không phải là hành động cần trừ công nợ giữa công ty Lê Anh và ông Lê Nam.

Các kết luận chính xác của tôi hoàn dựa trên cơ sở hiểu biết của tôi về các sự kiện này. Do đó, nếu báo cáo của các sự kiện không chính xác hoặc chưa hoàn chỉnh, vui lòng thông báo cho tôi ngay lập tức.

Cảm ơn bà vì đã cho công ty tôi cơ hội tư vấn bà trong vấn đề này. Nếu bà có bất cứ câu hỏi nào về các kết luận của tôi, vui lòng đừng do dự gì cứ gọi cho chúng tôi.

Trân trọng,

5. Kết luận và gợi ý

Tóm lại, việc ứng dụng các bước trong quy trình NCT vào việc HĐT thể hiện sự kết hợp một cách hoà hòa giữa nghiên cứu lý thuyết và NCT. Quy trình NCT không thiên về nghiên cứu lý thuyết cũng không thiên về quy trình tuân thủ thuế. Quy trình NCT giúp phân chia quá trình HĐT ra thành từng bước riêng lẻ và thực hiện theo một trình tự nhất định gắn kết lẫn nhau. Quy trình nghiên cứu thuế giúp cho các chuyên gia không bị mất phương hướng trong việc HĐT. Bên cạnh đó, việc áp dụng quy trình NCT còn giúp các chuyên gia trong việc lựa chọn và phân tích các sự kiện nhằm tăng độ chính xác, tin cậy về kết quả thuế mà các chuyên gia sẽ cung cấp cho khách hàng của họ.

Trong bài viết này tác giả xin đề xuất một số gợi ý giúp tăng hiệu quả của việc vận dụng quy trình NCT trong việc HĐT như sau:

**Bước 1: Thu thập sự kiện/
Bước 2: Xác định các vấn đề:**

Trang bị các kinh nghiệm thực tế và kỹ năng nghiên cứu luật thuế cho các chuyên gia sẽ có ý nghĩa quyết định đối với kết quả HĐT. Kinh nghiệm thực tế nghề nghiệp

sẽ giúp họ dễ dàng tiếp cận tình huống đặt hàng của khách hàng và thiết kế một hệ thống các câu hỏi theo tuần tự hợp lý, hữu ích và đặc biệt là đầy đủ, không quá thừa cũng không bị thiếu hụt. Hiểu biết sâu sắc về luật thuế và các luật liên quan đến giao dịch sẽ giúp cho chuyên gia xác định chính xác các vấn đề trọng yếu nằm trong giao dịch. Mặc dù, nghiên cứu luật thuế đi theo chiều hướng tuân thủ luật thuế nhưng việc này lại có một giá trị nhất định giúp cho chuyên gia qua các câu hỏi, các câu trả lời hoặc tiếp cận chứng từ thực tế sẽ kết nối được mối liên hệ giữa luật và các vấn đề để đi đến việc xác định các vấn đề cần phải giải quyết trong giao dịch. Điều này giúp họ xác định đúng vấn đề nhằm tránh việc hoạch định thuế bị đi chệch hướng hoặc làm cho kết quả của các bước tiếp theo của quy trình NCT trở nên vô nghĩa.

Khi đặt câu hỏi, các chuyên gia cần tiếp cận trực tiếp và phải xác định rõ mức độ kiến thức về thuế của đối tượng được hỏi để đưa ra các câu hỏi phù hợp, rõ ràng. Đối với các đối tượng có kiến thức về thuế thì các chuyên gia đặt ra các câu thuộc về chuyên môn liên quan. Ngược lại, các đối tượng không có kiến thức về thuế thì các chuyên gia chỉ nên đặt các câu hỏi trung gian xoay quanh vấn đề cần tiếp cận hoặc thông qua một đối tượng có kiến thức về thuế và có mối liên hệ với khách hàng để đặt thêm các câu hỏi khác (Ví dụ: kế toán trưởng, giám đốc tài chính ...). Bên cạnh đó, các chuyên gia phải mô phỏng vấn đề tiếp cận theo nhiều chiều hướng khác nhau thông qua kinh nghiệm thực tế cũng như hiểu biết về luật để đặt thêm nhiều câu hỏi mở rộng cho khách hàng. Thu

và các câu trả lời phản hồi của khách hàng và đặc biệt phải đánh giá và sàng lọc các câu trả lời để loại bỏ các nghi ngờ hay các khả năng không chắc chắn khi đưa ra các kết luận cuối cùng.

Bước 3: Xác định thẩm quyền/Bước 4: Phân tích thẩm quyền:

Chuyên gia HĐT cần khai thác tối đa hiệu quả của hệ thống thẩm quyền thứ cấp từ sách, báo, tạp chí hoặc các buổi hội thảo chuyên đề để giải quyết các vấn đề đã được xác định cụ thể. Thẩm quyền thứ cấp tuy không phải là thẩm quyền sơ cấp nhưng sẽ hình thành kiến thức nền tảng giúp cho chuyên gia định hướng khái quát về thẩm quyền cần xác định. Trên cơ sở định hướng khái quát này, chuyên gia sẽ có hướng đi chuẩn xác tiến đến việc xác định thẩm quyền sơ cấp cần thiết để giải quyết vấn đề. Xác định thẩm quyền sơ cấp bị lệ thuộc rất nhiều vào khả năng nghiên cứu luật thuế của chuyên gia và hệ thống dịch vụ cung cấp các thông tin về các thẩm quyền. Bên cạnh sự hỗ trợ nhất định của hệ thống dịch vụ này, các chuyên gia cũng như các công ty tư vấn thuế cần thiết phải xây dựng cơ sở dữ liệu chi tiết để phục vụ cho việc xác định thẩm quyền. Dữ liệu chi tiết cần xây dựng theo nội dung từng phần, càng được chi tiết càng sử dụng hiệu quả. Ví dụ: Chuyên gia chỉ cần nhập vào ô tìm kiếm “tài sản riêng” thì lập tức chỉ hiển thị một phần nội dung Luật Hôn nhân và gia đình với phần nội dung in đậm là: Điều 32 “Tài sản riêng của vợ, chồng” chứ không phải toàn bộ luật. Trên cơ sở nội dung chi tiết này chuyên gia sẽ tiến hành khai thác nội dung toàn



văn của luật theo yêu cầu của công việc.

Việc phân tích thẩm quyền cần sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức chuyên môn qua đào tạo của các chuyên gia. Các chuyên gia cần khai thác tối đa các kết quả từ các công văn trả lời hoặc các phán quyết từ các vụ kiện tụng giống hệt hoặc tương tự với tình huống thực tế đang HĐT. Trên cơ sở các phán quyết cuối cùng của cơ quan thẩm quyền hoặc của tòa án này, các chuyên gia sẽ tiến hành phân tích, đánh giá các thẩm quyền này. Cần tập hợp theo từng nhóm chuyên gia giống như nhóm các “bác sĩ hội chuẩn bệnh” để phân tích thẩm quyền và đi đến kết luận nhằm tăng tính chính xác, tính khách quan và độ tin cậy của kết luận.

Bước 5: Lập lại từ bước 1 đến hết bước 4/ Bước 6: Truyền đạt các kết luận:

Việc lập lại các bước là hết sức cần thiết mà chuyên gia không thể bỏ qua. Khi lập lại chuyên gia sẽ phải đặt thêm các câu hỏi phụ nhằm tìm kiếm các vấn đề phát sinh mới hoặc khẳng định rõ ràng các vấn đề

chưa chắc chắn. Đôi khi, các vấn đề mới này sẽ làm thay đổi hoàn toàn kết quả HĐT. Truyền đạt kết luận cần cân nhắc lời lẽ truyền đạt cho phù hợp với đối tượng tiếp nhận. Chuyên gia cần nhấn mạnh kết quả HĐT phụ thuộc vào độ tin cậy của các sự kiện do khách hàng cung cấp nhằm giảm bớt rủi ro của HĐT●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barbar H. Karlin. (2004). *Tax Research Techniques*. Prentice Hall.
- Machelle Hanlon, Shane Heitzman. (2010). A Review of Tax Research. *Journal of Accounting and Economics*, Volume 50, pp. 127 – 178.
- Sally M. Jones, Shelley C. Rhoades-Catanach. (2011). *Principles of Taxation for Business and Investment Planning*. McGraw – Hill Irwin.
- Tamara K. Kowalczy. (2001). Single – Case Technique for Teaching the Tax Research Process. *Accounting Education*. Volume 10. No. 1, pp. 15 – 25.
- William A. Raabe, Gerald E. Whittenburg, Deberal Sanders. (2005). *Federal Tax Research*. Cengage Learning.